

Một số vấn đề về tái cơ cấu tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, tạo môi trường lành mạnh cho hoạt động tín dụng ngân hàng

PGS.,TS. Nguyễn Đắc Hưng*

Hiện nay, chủ đề tái cơ cấu nền kinh tế nói chung, tái cơ cấu các tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước nói riêng đang trở thành vấn đề thời sự, thu hút được sự quan tâm lớn của dư luận, của các nhà nghiên cứu, các nhà lập chính sách. Trước hết, việc tái cơ cấu là góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh thực sự của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, cũng như góp phần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Tiếp theo, đó là vấn đề số nợ phải trả nói chung, nợ vốn vay các ngân hàng nói riêng, của khối doanh nghiệp này rất lớn, nếu không cơ cấu lại và giải quyết nợ thì không tạo được môi trường lành mạnh cho cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng ngân hàng đối với phân khúc khách hàng rất quan trọng này.

Mới đây, Bộ Tài chính cũng đã công bố báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Báo cáo này cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của 81 trong tổng số 91 tập đoàn, tổng công ty tính đến cuối tháng 6/2010, nhưng không bao gồm Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin). Đồng thời, Chính phủ cũng chỉ ra những hạn chế và tồn tại liên quan đến nhóm doanh nghiệp nhà nước này. Tổng số nợ phải trả của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước đến hết năm 2009 là 813.435 tỉ đồng, gấp 1,5 lần vốn chủ sở hữu và bằng 58% tổng tài sản. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu này là thấp hơn so với quy định (3 lần).

Vốn chủ sở hữu và tài sản của nhóm các doanh nghiệp này tăng khá nhanh. Năm 2009, vốn chủ sở hữu tăng 19% và tổng tài sản tăng 28% so với năm trước đó. Đến giữa năm 2010, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tiếp tục tăng thêm 3,8% và 4,8% so với cuối 2009. Trong khi đó, tốc độ tăng doanh

* Hà Nội

thu và đặc biệt là lợi nhuận thì chậm hơn nhiều. Mức tăng lợi nhuận năm 2009 chỉ đạt 10% so với 2008. Trong vòng bốn năm, tính từ đầu 2006 đến tháng 6/2010, vốn chủ sở hữu của các tập đoàn và tổng công ty nhà nước tăng 140%, tài sản tăng 125%, nhưng lợi nhuận chỉ tăng 105%. Như vậy, hiệu quả hoạt động kinh doanh của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang giảm đi rõ rệt. Dự báo, đến hết năm 2011, lợi nhuận của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước tiếp tục giảm sút do cả yếu tố khách quan của biến động môi trường kinh tế vĩ mô, quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và yếu tố chủ quan về quản trị, điều hành, nguồn nhân lực, công nghệ và năng lực tài chính.

Số liệu của 81 tập đoàn, tổng công ty nhà nước		<i>Đơn vị: tỉ đồng</i>
	2009	Số liệu đến 30-6-2010
Vốn chủ sở hữu	554.895	572.582
Tổng tài sản	1.450.113	1.518.999
Nợ phải trả	813.435	
Tổng doanh thu	1.099.288 (năm 2009)	732.761 (nửa năm 2010)
Lợi nhuận trước thuế	97.622 (năm 2009)	43.865 (nửa năm 2010)
Nộp ngân sách	189.467 (năm 2009)	97.671 (nửa năm 2010)
Đầu tư ra nước ngoài	3,888 tỉ đô la Mỹ	3,987 tỉ đô la Mỹ
<i>Nguồn: Báo cáo của Chính phủ</i>		

Số nộp ngân sách của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước năm 2009 là 189.467 tỉ đồng, trong đó, một phần ba là thu từ dầu thô. Sáu tháng đầu năm 2010 con số này là 97.671 tỉ đồng. Dự báo đến hết năm 2011, số nộp ngân sách của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước sẽ thấp hơn, chỉ

bằng khoảng 70% số thực nộp năm 2010, nếu trừ đi dầu thô thì số nộp còn giảm thấp hơn.

Số lượng tập đoàn và tổng công ty nhà nước tuy khá nhiều, nhưng hầu hết nguồn lực vốn và tài sản của Nhà nước trong khối này lại tập trung vào một nhóm nhỏ gồm 10 tập đoàn và 11 tổng công ty đặc biệt. Cụ thể, nhóm này chiếm tới 87,1% tổng vốn chủ sở hữu và 85,8% tổng số tài sản. Mười tập đoàn và 11 tổng công ty đặc biệt cũng chi phối tới 84,7% tổng lợi nhuận, lớn nhất là lĩnh vực dầu khí, hàng không, ngân hàng,...

Theo báo cáo của Chính phủ gửi các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá XIII, cuối tháng 11/2011 vừa qua, thì tổng số nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trên tổng vốn sở hữu năm 2006 là 419.919 tỷ đồng, bình quân bằng 1,33 lần vốn chủ sở hữu. Đến hết năm 2010, tổng số nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước là 1.088.290 tỷ đồng, có 30 tập đoàn, tổng công ty nhà nước tỷ lệ phải trả trên vốn chủ sở hữu lớn hơn 3 lần; trong đó, có 7 tổng công ty trên 5 - 10 lần và 14 tổng công ty từ 3 - 5 lần. Năm 2009 lợi nhuận của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước là 97.537 tỷ đồng, tăng 10% so với thực hiện năm 2008. Đến năm 2010, con số này tăng lên 162.910 tỷ đồng, tăng 66% so với thực hiện năm 2009. Ước tính đến hết năm 2011, nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước lên tới trên 1.100.000 tỷ đồng, số nợ đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là nợ vay các ngân hàng, gấp khoảng 2,5 lần vốn chủ sở hữu.

Vấn đề nổi lên hiện nay là, một số tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đang ở trong tình trạng thua lỗ lớn, nợ ngân hàng ở mức độ cao, nợ quá hạn đang phát sinh ngày càng lớn. Tổng công ty thua lỗ lớn phải kể đến: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,... Tổng công ty Xăng dầu (Petrolimex) thì thua lỗ lớn trong mảng kinh doanh xăng dầu. Nợ ngân hàng lớn nhất và đang phát sinh nợ xấu nhiều nhất là Vinashin.

Đối với riêng EVN, lỗ sản xuất kinh doanh điện năm 2010 là hơn 10.000 tỷ đồng và số nợ chưa trả được cho ngành dầu khí, than là trên 11.000 tỷ đồng. Bộ Tài chính cũng đã có chỉ đạo hạch toán lỗ vào giá điện chứ không còn có thể hạch toán vào đâu được. Bởi nguyên tắc, EVN chỉ thực hiện sản xuất kinh doanh điện. Vì vậy, khoản lỗ do giá bán thấp hơn giá

thành của tập đoàn này đương nhiên sẽ được hạch toán vào giá điện trong những đợt điều chỉnh thời gian tới. Đây cũng là lĩnh vực thu hút sự quan tâm lớn của dư luận xã hội, bởi vì, một mặt giá điện ảnh hưởng đến mọi mặt của nền kinh tế quốc dân, đến an sinh xã hội, đến lạm phát và tình trạng thua lỗ lớn trong đầu tư ngoài ngành của Tập đoàn này.

Tài sản EVN hình thành chỉ có 30% vốn chủ sở hữu, còn 70% là vốn vay chủ yếu từ nước ngoài của các tổ chức tín dụng. EVN vay bằng USD của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), đồng Yên của Nhật Bản, EUR của các tổ chức tín dụng Bắc Âu. Do vậy, khi gặp biến động tài chính trên thị trường thế giới thì EVN dễ bị tổn thương, đặc biệt là biến động của tỷ giá.

EVN ngoài khoản lỗ trên 10.000 tỷ đồng, do kinh doanh các mặt hàng khác đã giảm lỗ xuống khoảng 8.000 tỷ đồng, thì còn lỗ thêm khoảng 15.000 tỷ do chênh lệch tỷ giá. Nếu theo tính toán, toàn bộ số lỗ này đều phải hạch toán hết vào giá thành. Nếu như EVN chưa được điều chỉnh giá điện thì ngành Điện không có tiền trả nợ cho các tập đoàn có liên quan, tập trung là Tập đoàn công nghiệp Than và khoáng sản Việt Nam,... Bộ Tài chính vừa cho biết, năm 2012, mức tăng giá bán điện sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định, nhưng không cao hơn mức tăng 15,28%.

Đó là EVN, còn tình trạng chung nổi cộm đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước là gì? Thực tiễn hiện nay có nhiều tồn tại trong công tác quản lý cũng như hoạt động của nhóm các doanh nghiệp này và gợi mở suy nghĩ về hướng giải quyết được nêu dưới đây.

Một là, chức năng đại diện chủ sở hữu vốn của nhà nước còn phân tán, chông chéo nên trách nhiệm trong quản lý cũng chưa rõ ràng. Những sai phạm trong việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước thường được phát hiện sau khi thanh tra, kiểm tra hoặc có khiếu nại, tố cáo. Do đó, vấn đề đầu tiên trong tái cơ cấu các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đó là, cần phải tăng cường và nâng cao hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của thanh tra chuyên ngành trực thuộc các Bộ chuyên ngành, cũng như thanh tra tài chính. Đồng thời, cần làm rõ chức năng quản lý nhà nước của Bộ chuyên ngành với chức năng quản lý vốn và tài sản của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Tài chính. Cần phải yêu cầu chính bản thân các tập đoàn kinh tế, các tổng công

ty nhà nước chủ động đưa ra phương án cơ cấu lại chính bản thân mình, các Bộ chủ quản, Bộ chuyên ngành xây dựng và triển khai đề án tái cơ cấu các tập đoàn, tổng công ty thuộc lĩnh vực mình phụ trách, quản lý nhà nước.

Hai là, công tác quản lý, điều hành của nhiều tập đoàn kinh tế, tổng công ty còn có sự hạn chế, chậm thay đổi. Trong quản trị doanh nghiệp còn mang tính chủ quan, duy ý chí, quan liêu, ít nhiều có tâm lý dựa vào “nhà nước”... Hoạt động kinh doanh mang tính chất trì trệ, thiếu năng động và linh hoạt. Do đó, tính cấp bách là cơ cấu lại quản trị điều hành các tập đoàn, tổng công ty, cần nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành, thay đổi lãnh đạo, cần thiết thuê chuyên gia nước ngoài trong một số lĩnh vực.

Ba là, hiệu quả hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty chưa tương xứng với quy mô đầu tư vốn của Nhà nước, còn để tình trạng lãng phí trong đầu tư vốn như chậm hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm tại các lĩnh vực năng lượng, giao thông, cảng biển, chi phí phát sinh ngoài dự toán lớn, nợ phát sinh dây dưa giữa các bên kéo dài và ở mức độ lớn... Do vậy, nội dung và giải pháp quan trọng trong cơ cấu, nâng cao năng lực cạnh tranh của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đó là nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của nhà nước, hoàn thành dứt điểm, đúng tiến độ các dự án đầu tư, làm rõ trách nhiệm của các cá nhân và tập thể để dự án kéo dài, lãng phí và chậm đưa khai thác, sử dụng.

Bốn là, việc huy động quá nhiều vốn để thực hiện đầu tư, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, thành lập nhiều công ty con, công ty liên kết hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề của một số tập đoàn, tổng công ty trong khi năng lực quản lý và khả năng tài chính có hạn đã dẫn tới hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ở một số doanh nghiệp cao, ảnh hưởng không tốt đến năng lực tài chính và hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp. Bởi vậy, cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ vấn đề này, nâng cao trách nhiệm trong việc huy động vốn và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, chấm dứt việc thành lập nhiều công ty con, hạn chế tới mức thấp nhất việc thành lập các công ty liên kết, chỉ thành lập các công ty dạng này khi thực hiện các dự án, hợp đồng thuộc nhiệm vụ chức năng chính hay có liên quan trực tiếp đến chức năng chính.

Năm là, tình trạng đầu tư một khối lượng vốn ra ngoài ngành nghề kinh doanh chính xảy ra rất phổ biến và ở mức độ lớn, song kém hiệu quả. Một số tập đoàn, tổng công ty trong những năm vừa qua tham gia góp vốn vào ngân hàng thương mại cổ phần, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản với số tiền khá lớn. Tính đến cuối năm 2009, tỷ lệ đầu tư vào những lĩnh vực này đã dần đảm bảo theo quy định của Chính phủ. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư trong những lĩnh vực này chưa thực sự hợp lý khi nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính còn hạn chế.

**Số liệu đầu tư ra ngoài ngành
của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước**

Đơn vị tính: tỉ đồng

Lĩnh vực	2006	2007	2008	2009
Chứng khoán	707	1328	1697	986
Bảo hiểm	758	2655	3007	1578
Bất động sản	211	1431	2285	2999
Quỹ đầu tư	600	1050	1424	694
Ngân hàng	3838	7977	11427	8734

Nguồn: Bộ Tài chính

Tuy nhiên, cũng theo số liệu công bố của Bộ Tài chính, thì đến hết năm 2010, số vốn đầu tư ra ngoài ngành của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước lại tăng lên so với năm 2009. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, thì đến cuối năm 2010, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã đầu tư ra ngoài ngành ở 5 lĩnh vực với tổng vốn 21.814 tỉ đồng. Cụ thể, đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán 3.576 tỉ đồng; lĩnh vực bảo hiểm 2.236 tỉ đồng; bất động sản 5.379 tỉ đồng; các quỹ đầu tư 495 tỉ đồng; lĩnh vực ngân hàng 10.128 tỉ đồng. Như vậy, trong tất cả các lĩnh vực, số vốn đầu tư ra ngoài ngành đều tăng khá so với năm 2009 và nhiều lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.

Trong thời gian qua, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã cơ cấu lại hoạt động kinh doanh để giảm dần tỷ lệ góp vốn vào các lĩnh vực

đầu tư ngoài ngành, thể hiện rõ là số liệu vào năm 2009, nhưng tỷ lệ góp vốn đầu tư ngoài ngành tăng lên trong năm 2010. Đây là một câu hỏi lớn mà tác giả bài viết chưa có điều kiện tìm hiểu. Bên cạnh đó, do diễn biến kinh tế vĩ mô khó khăn nên việc thoái vốn ở những lĩnh vực này chưa hoàn thành được mục tiêu đề ra của Chính phủ. Được biết, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu vào cuối năm 2011, hoặc đầu năm 2012, trong đó, quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc quản lý, sử dụng vốn tài sản của doanh nghiệp, việc huy động vốn, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, việc phân phối thu nhập... Theo kế hoạch của Chính phủ, đến 31/12/2015 sẽ hoàn thành việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Như vậy, trong 5 năm tới, đến khi kết thúc năm 2015, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có thu hồi đủ gốc số vốn nói trên hay không là điều không thể dự đoán trước được trong bối cảnh nhiều công ty chứng khoán, công ty bất động sản đang thua lỗ, các ngân hàng thương mại cũng phải thực hiện cơ cấu lại... Bởi vậy, một nội dung, hay giải pháp quan trọng trong cơ cấu lại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước là yêu cầu các đơn vị này có lộ trình rõ ràng, chặt chẽ, thực hiện nghiêm và đúng kế hoạch việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành. Song, việc thoái vốn gần 9.000 tỷ đồng tại các ngân hàng thương mại cổ phần thì không thể đơn giản chút nào vì bản thân các ngân hàng thương mại cũng đang chuẩn bị thực hiện đề án tái cấu trúc, trong bối cảnh giá cổ phiếu nhóm ngành ngân hàng ở mức độ thấp, nhiều mã cổ phiếu giảm xuống dưới mệnh giá, nợ quá hạn gia tăng thì việc thoái vốn lại càng hết sức nan giải.

Sáu là, liên quan đến nguồn lực tài chính nhà nước và cũng liên quan chủ yếu đến các doanh nghiệp nhà nước, đó là quỹ bình ổn giá xăng dầu và thực trạng lổ lãi của một số doanh nghiệp nhà nước kinh doanh xăng dầu. Cần phải hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá xăng dầu và quỹ bình ổn giá. Cần phải tiến hành đánh giá, sơ kết 2 năm thực hiện Nghị định 84 và cơ chế trích lập, quản lý quỹ bình ổn giá xăng dầu, tập trung vào nội dung cơ bản là xem xét sửa đổi chu kỳ tính giá cơ sở 10 ngày phù hợp với tần suất điều chỉnh giá (thay cho 30 ngày như hiện nay); nghiên cứu đưa lợi nhuận ra

ngoài giá cơ sở để minh bạch lãi (lỗ) của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu; nghiên cứu quy định rõ hơn về chi phí kinh doanh xăng dầu, lợi nhuận định mức phù hợp với từng loại hình kinh doanh; bổ sung các quy định về kiểm tra, kiểm toán, công bố, minh bạch thông tin và chế tài xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, cần xem xét loại tỷ lệ hoa hồng của Petrolimex chỉ cho các đại lý bán lẻ xăng dầu.

Đối với quỹ bình ổn giá xăng dầu, vẫn duy trì do sự cần thiết và nghiên cứu để tập trung về Nhà nước quản lý, cho phép doanh nghiệp đầu mỗi được chủ động sử dụng theo đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước, sẽ hậu kiểm và thực hiện quyết toán vào cuối năm. Về nguyên tắc tín dụng, nếu để các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thua lỗ thì ngân hàng thương mại không thể cho vay vốn mới, trong khi đó, đây là mặt hàng chiến lược ngân hàng không thể không cho vay và không ưu tiên đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu xăng dầu!

Bây là, có phương án tổng thể về giá điện và giải quyết dứt điểm tình trạng thua lỗ của EVN, cần thiết phải làm rõ trách nhiệm cá nhân trong việc đầu tư ra ngoài ngành gây ra tình trạng thua lỗ, mất vốn; Làm lành mạnh tình hình tài chính của EVN tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại tiếp tục đầu tư vốn cho các dự án khả thi của ngành Điện, cũng như đảm bảo quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế trong việc tài trợ vốn cho các dự án của ngành Điện.

Tái cơ cấu lại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước là một vấn đề lớn, có vai trò rất quan trọng làm lành mạnh môi trường tín dụng ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế, trong phạm vi bài viết xin đưa ra một số nội dung cơ bản, chủ yếu của chủ đề đã nêu.

Nguồn tài liệu tham khảo:

- www.baomoi.com
- www.mof.gov.vn
- www.na.gov.vn